

**NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TƯ VẤN GIÁM SÁT THI CÔNG (TVGS)
GÓI THẦU: TƯ VẤN GIÁM SÁT THI CÔNG SỬA CHỮA HƯ HỎNG
CÔNG TRÌNH, HỆ THỐNG AN TOÀN GIAO THÔNG THUỘC TUYẾN
ĐƯỜNG CAO TỐC NỘI BÀI - LÀO CAI**

(Kèm theo Quyết định số 289 /QĐ-VEC ngày 30/3/2026)

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

- Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu Thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đường bộ và điều 77 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

- Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng;

- Căn cứ Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

- Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024, Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025, Thông tư số 60/2025/TT-BXD ngày 30/12/2025 của

Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

- Căn cứ Thông tư 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ GTVT về việc Quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ GTVT;

- Căn cứ Quyết định 1666/QĐ-BGTVT ngày 17/06/2010 của Bộ GTVT về việc thành lập công ty Mẹ - Tổng công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định số 396/QĐ-UBQLV ngày 08/8/2023 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định số 778/QĐ-VEC-HĐTV ngày 03/10/2024 của Hội đồng thành viên về việc ban hành Quy trình tổ chức lựa chọn nhà thầu trong các dự án do VEC làm Chủ đầu tư;

- Căn cứ Quyết định số 61/QĐ-VEC-HĐTV ngày 28/01/2026 của Hội đồng thành viên VEC về việc phê duyệt kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và thu phí các tuyến đường cao tốc do VEC quản lý năm 2026;

- Căn cứ Quyết định số 207/QĐ-VEC ngày 18/3/2026 của VEC về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Sửa chữa hư hỏng công trình, hệ thống an toàn giao thông thuộc tuyến đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai.

II. GIỚI THIỆU CHUNG:

+ **Tên công trình:** Sửa chữa hư hỏng công trình, hệ thống an toàn giao thông thuộc tuyến đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai.

+ **Địa điểm xây dựng:** Trên tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai.

+ **Loại, nhóm dự án, cấp công trình:** Sửa chữa công trình giao thông đường bộ, Nhóm C, Cấp I.

+ **Chủ đầu tư:** Tổng công ty Đầu tư phát triển đường Cao tốc Việt Nam (VEC).

+ **Tổ chức thực hiện quản lý dự án:** Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư trực tiếp quản lý, điều hành quản lý dự án.

+ **Nguồn vốn:** Từ nguồn kinh phí quản lý vận hành, bảo trì và thu phí của tuyến cao tốc Nội Bài – Lào Cai được Hội đồng thành viên VEC phê duyệt kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và thu phí hàng năm.

1. Quy mô và giải pháp thiết kế tổng thể

1.1. Quy mô: Bình đồ, quy mô giữ nguyên theo hiện trạng tuyến đường. Thay thế vạch sơn kẻ đường hư hỏng; cập nhật lại tên địa danh trên biển báo sau khi sáp nhập các đơn vị hành chính địa phương; sơn hầm chui QL2; sửa chữa trạm thu phí tại khu vực làn xe chạy; thay thế một số vị trí hàng rào thép gai bằng hàng rào B40 và bổ sung một số vị trí hàng rào B40 trên tuyến; sửa chữa hư hỏng một số cầu trên tuyến để duy trì khả năng vận hành khai thác ổn định, đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến và kéo dài tuổi thọ công trình.

1.2. Giải pháp thiết kế:

a. Vạch sơn kẻ đường, biển báo:

- Vạch sơn kẻ đường: Tiến hành tẩy vạch sơn hư hỏng tuân thủ TCCS 30:2020/TCDBVN về Sơn tín hiệu giao thông – xóa vạch kẻ đường – thi công và nghiệm thu, hoàn trả vạch sơn kẻ đường bằng sơn phản quang dẻo nhiệt tuân thủ theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

- Biển báo: Cập nhật lại tên địa danh trên biển báo sau khi sáp nhập các đơn vị hành chính địa phương. Sử dụng màng phản quang loại XI, tiến hành dán che nội dung trên biển báo cần thay đổi (màu màng phản quang cùng màu nền hiện trạng) sau đó dán màng phản quang nội dung mới đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

b. Sơn hầm chui QL2:

- Làm sạch bề mặt bê tông hiện trạng bị rêu mốc, xuống cấp.

- Sơn bảo vệ cho các bề mặt bê tông xi măng để chống ăn mòn, chống xuống cấp, tăng tính thẩm mỹ và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật.

- Sơn vạch 8.7 lên bó vỉa đảm bảo theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

c. Sửa chữa trạm thu phí tại khu vực làn xe chạy:

- Hệ thống thoát nước mái trạm thu phí:

+ Tháo dỡ máng thu nước hiện trạng bị han rỉ, hư hỏng thay thế bằng máng thu nước bằng inox 304 dày 1mm (hoặc tương đương) để đảm bảo khả năng thu, thoát nước và đảm bảo độ bền lâu dài.

+ Bổ sung cầu chắn rác để đảm bảo rác không đi vào hệ thống gây tắc đường ống thoát nước.

- Hệ thống mái trạm, cột trạm:

+ Mái trạm: Thay thế bằng tấm nhôm nhựa Aluminium Alcorest ngoại thất dày 4mm, độ phủ nhôm 0,5mm (hoặc tương đương) tại các vị trí bị hư hỏng, cong vênh, xuống cấp.

+ Cột trạm: Một số vị trí tấm ốp cột trạm bị hư hỏng, cong vênh tiến hành tháo dỡ tấm Aluminium hiện trạng, thay thế bằng tấm Aluminium Alcorest ngoại thất dày 4mm, độ phủ nhôm 0,5mm (hoặc tương đương).

+ Màu sắc tấm nhôm nhựa Aluminium mới chọn màu sắc tương tự với màu hiện trạng.

+ Tấm nhôm nhựa Aluminium lắp mới dùng loại ngoài trời để đảm bảo độ bền thời tiết.

- Biển tên trạm:

+ Tiến hành tháo dỡ mặt biển Aluminium hiện trạng đối với biển trạm đã bị xuống cấp, hư hỏng.

+ Lắp đặt mặt biển mới thay thế biển trạm đã hư hỏng xuống cấp.

+ Mặt biển mới bằng nhôm tấm dày 2.5mm có khung xương thép hộp 40x20x2.0(mm) được liên kết với khung xương hiện trạng được tận dụng bằng bu lông M12x180.

+ Màng phản quang dán lên mặt biển dùng màng phản quang 3M-4000 loại XI đảm bảo theo TCVN 7887:2018.

- Đào phân làn tại trạm thu phí:

+ Làm sạch bề mặt bê tông hiện trạng bị rêu mốc, xuống cấp.

+ Sơn vạch 8.1 tại các đảo trạm theo yêu cầu kỹ thuật.

d. Hàng rào:

- Thay thế một số vị trí hàng rào thép gai hiện trạng bằng hàng rào lưới B40 và đóng hàng rào lưới B40 đối với các vị trí hở trên tuyến đảm bảo hành lang an toàn cho đường cao tốc, ngăn chặn việc người dân, gia súc và các phương tiện thô sơ đi vào cao tốc gây mất an toàn cho các phương tiện lưu thông trên tuyến.

- Kích thước các tấm lưới hàng rào B40 (2.73x1.85)m.

- Giữa các tấm lưới hàng rào B40 bố trí các trụ ống thép chịu lực D59.9 dày 3mm với khoảng cách giữa các cột =3.0m, được liên kết với tấm lưới hàng rào B40 bằng bu lông tại các vị trí tại liên kết.

- Toàn bộ kết cấu hàng rào lưới B40 mạ kẽm nhúng nóng.

e. Sửa chữa cầu trên tuyến:

- Bổ sung công không chế chiều cao:

+ Tại vị trí cầu sông Lô phía mố A1 (Km48+181) và vị trí cầu vượt TL325B (Km58+228) bổ sung công không chế chiều cao ở hai đầu để ngăn xe có chiều cao vượt quá chiều cao an toàn va chạm vào dầm gây hư hỏng kết cấu ảnh hưởng an toàn và tuổi thọ công trình.

+ Biển báo hạn chế chiều cao (P.117) và biển báo chiều cao tĩnh không thực tế (W.239b) được gắn trực tiếp tại các vị trí công không chế chiều cao đảm bảo theo Quy chuẩn QCVN 41:2024/BGTVT. Hệ số kích thước biển báo $z=87.5$ (áp dụng cho đường thông thường). Toàn bộ kết cấu thép mạ kẽm nhúng nóng.

+ Công không chế chiều cao tùy thuộc vào chiều cao hiện trạng từng cầu.

+ Cột công bằng thép ống D273 dày 6.35mm, được dán màng phản quang loại IV để đảm bảo cảnh báo an toàn.

+ Thanh ngang không chế chiều cao bằng thép ống D141.3 dày 4.5mm được liên kết hệ khung với nhau bằng thép ống D75.6 dày 3.2mm.

+ Móng cột đặt trên hệ cọc đóng với 6 mũi neo D75.6 dày 3.2mm dài 2m liên kết với cột bằng bản mã KT 1500x800x25(mm).

+ Bố trí các bu lông neo liên kết giữa thép ống và móng cột.

+ Toàn bộ các kết cấu công không chế, các liên kết đều được mạ kẽm nhúng nóng.

- Sửa chữa dầm bị bong vỡ bê tông, lộ cốt thép: Đục bỏ phần bê tông dầm bị nứt vỡ, bê tông lộ cốt thép dày trung bình 2cm; vệ sinh, tẩy gỉ cốt thép hiện trạng, hoàn trả bằng Vmat Mortar R (hoặc tương đương) dày trung bình 2cm;

- Đối với các vị trí bị nứt tại các mố cầu: Bề mặt vết nứt được trát phủ bằng vữa Sikadur 731 (hoặc tương đương) dày trung bình 1cm. Bơm keo Epoxy Sikadur 752 (hoặc tương đương) lấp đầy các vết nứt có bề rộng $\geq 0,2\text{mm}$; Sau đó vệ sinh bề mặt bằng

phẳng, quét keo Typo S tiêu chuẩn 0,17 lít/m² (hoặc tương đương);

- Đối với các vị trí bị nứt tại đầm hộp: Bề mặt vết nứt được trát phủ bằng vữa Sikadur 731 (hoặc tương đương) dày trung bình 1cm. Bơm keo Epoxy Sikadur 752 (hoặc tương đương) lấp đầy các vết nứt có bề rộng $\geq 0,2\text{mm}$; Sau đó vệ sinh bề mặt, quét keo Typo S tiêu chuẩn 0,17 lít/m² (hoặc tương đương).

(Chi tiết theo Hồ sơ Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật)

1.3. Đảm bảo an toàn giao thông trong thi công, an toàn lao động, an toàn cháy nổ và vệ sinh môi trường:

Tuân thủ các quy định tại TCCS 14:2016 – Tiêu chuẩn về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ đang khai thác, tuân theo quy định tại Điều 13 – Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ Xây dựng và các quy định hiện hành có liên quan.

2. Khung tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng

Một số tiêu chuẩn chính được tham chiếu như sau:

I	Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác khảo sát	Ký hiệu
1	Công tác trắc địa trong xây dựng – Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
2	Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020/TCĐBVN
3	Khảo sát xây dựng – Nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419:1987
4	Quy phạm đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1:500; 1:1000; 1:2000; 1:5000 (phần ngoài trời)	96 TCN 43:1990
II	Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác thiết kế, nghiệm thu	Ký hiệu
1	Đường ô tô cao tốc - yêu cầu thiết kế	TCVN 5729:2012
2	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN41:2024/BGTVT
3	Tiêu chuẩn về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường đang khai thác	TCCS 14 : 2016/TCĐBVN
4	Sơn tín hiệu giao thông – xóa vạch kẻ đường – thi công và nghiệm thu.	TCCS 30:2020/TCĐBVN
5	Sơn tín hiệu giao thông – Vật liệu kẻ đường phản quang dẻo nhiệt – Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu.	TCVN 8791:2011
6	Màng phản quang dùng cho biển báo hiệu đường bộ	TCVN 7887:2018
7	Bảo dưỡng thường xuyên đường bộ - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 14182:2024
8	Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên đường cao tốc	TCCS 17:2016/TCĐBVN
9	Hạng mục công trình an toàn phòng hộ trên đường cao tốc – Yêu cầu thiết kế và thi công	TCCS 20:2018/TCĐBVN

10	Bê tông – Phương pháp xác định độ chống thấm nước – Phương pháp vết thấm	TCVN 3116:2022
11	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574:2012
12	Và các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành khác liên quan	

Trong quá trình triển khai, Tư vấn giám sát cần nghiên cứu và đề xuất Chủ đầu tư xem xét, cập nhật điều chỉnh, bổ sung các tiêu chuẩn mới áp dụng cho gói thầu đảm bảo việc áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn trong thiết kế, thi công công trình tuân thủ với quy định của pháp luật (nếu cần thiết).

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CỦA TƯ VẤN GIÁM SÁT:

Công tác TVGS xây dựng tuân thủ Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội khóa XIII; Luật số: 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; và các quy định hiện hành khác.

1. Mục tiêu:

Mục tiêu chính của dịch vụ tư vấn là đảm bảo chất lượng cao nhất có thể cho công trình. Để đạt được mục tiêu này, cần phải thông qua công tác giám sát chặt chẽ Nhà thầu xây dựng nhằm đảm bảo tất cả các hạng mục công trình được thực hiện đầy đủ theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, thiết kế và các tài liệu hợp đồng khác.

Mục tiêu thứ hai là đảm bảo tuyệt đối an toàn giao thông, an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện công việc. Để đạt được mục tiêu này, TVGS cần thực hiện giám sát chặt chẽ công tác tổ chức thi công của nhà thầu trong phạm vi thi công tuân thủ theo đúng quy định của Hợp đồng và các quy định Pháp luật về ATGT, an toàn lao động, vệ sinh môi trường đối với công trình đang khai thác.

Mục tiêu thứ ba là tạo điều kiện thực hiện các hợp đồng xây dựng thông qua phối kết hợp và quan hệ cần thiết với tất cả các cơ quan hữu quan như Chủ đầu tư, Cơ quan thực hiện dự án (đại diện chủ đầu tư), Tư vấn thiết kế, TVGS, Nhà thầu xây dựng các cơ quan chính quyền địa phương.

2. Yêu cầu:

2.1. Hệ thống quản lý chất lượng của TVGS:

TVGS xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và tổ chức văn phòng giám sát tại hiện trường phù hợp với quy mô, yêu cầu của dự án, cụ thể:

- Bố trí tối thiểu 01 văn phòng giám sát tại hiện trường (tùy theo tiến độ và thời điểm triển khai các gói thầu xây lắp trên hiện trường) để phục vụ công tác giám sát, kiểm tra, đôn đốc;

- Số lượng và cơ cấu nhân sự trong văn phòng sẽ bố trí phù hợp với tiến độ xây dựng: Căn cứ vào tiến độ thực hiện cụ thể của gói thầu xây lắp, TVGS sẽ bố trí lực lượng tư vấn có trình độ và năng lực phù hợp với yêu cầu tại từng thời điểm để thực hiện công tác giám sát.

120

- Đối với các nhân sự chủ yếu thực hiện gói thầu TVGS cần đảm bảo tối thiểu:

STT	Vị trí	Số lượng	Năng lực, kinh nghiệm	Chứng chỉ hành nghề	Ghi chú
1	Giám sát trưởng	01	Năng lực kinh nghiệm đảm bảo ít nhất 15 năm kinh nghiệm, đã làm Giám sát trưởng ít nhất 02 công trình làm mới/sửa chữa hư hỏng công trình cầu có hạng mục kết cấu dầm, mố, trụ, hệ thống an toàn giao thông trên đường Quốc lộ hoặc đường cao tốc trong 05 năm gần đây.	Có chứng chỉ hành nghề Giám sát thi công xây dựng công trình - Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông hạng I còn hiệu lực.	Phải được huy động toàn bộ thời gian từ ngay sau khi hợp đồng TVGS có hiệu lực đến khi chuyển sang nghĩa vụ bảo hành. Từ thời gian bảo hành đến hết thời gian thực hiện nghĩa vụ hợp đồng TVGS sẽ theo yêu cầu huy động của Chủ đầu tư.
2	Giám sát vật liệu	01	Năng lực kinh nghiệm đảm bảo ít nhất 07 năm kinh nghiệm, đã làm Tư vấn giám sát thi công ít nhất 01 công trình làm mới/sửa chữa hệ thống an toàn giao thông trên đường Quốc lộ hoặc đường cao tốc trong 05 năm gần đây.	Có chứng chỉ hành nghề Giám sát thi công xây dựng công trình - Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông hạng II trở lên còn hiệu lực.	Được huy động toàn bộ thời gian từ khi khởi công đến khi chuyển sang nghĩa vụ bảo hành. Trong thời gian bảo hành sẽ theo yêu cầu huy động của Chủ đầu tư.
3	Giám sát viên cầu	01	Năng lực kinh nghiệm đảm bảo ít nhất 07 năm kinh nghiệm, đã làm Tư vấn giám sát thi công ít nhất 01 công trình làm mới/sửa chữa hư hỏng công trình cầu có hạng mục sửa chữa các vết nứt kết cấu trên đường Quốc lộ hoặc đường cao tốc trong 05 năm gần đây.	Có chứng chỉ hành nghề Giám sát thi công xây dựng công trình - Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông hạng II trở lên còn hiệu lực.	Được huy động toàn bộ thời gian từ khi khởi công đến khi chuyển sang nghĩa vụ bảo hành. Trong thời gian bảo hành sẽ theo yêu cầu huy động của Chủ đầu tư.

4	Giám sát viên	Ít nhất 03	Năng lực kinh nghiệm đảm bảo ít nhất 07 năm kinh nghiệm, đã làm Tư vấn giám sát thi công ít nhất 01 công trình làm mới/sửa chữa hệ thống an toàn giao thông trên đường Quốc lộ hoặc đường cao tốc trong 05 năm gần đây.	Có chứng chỉ hành nghề Giám sát thi công xây dựng công trình - Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông hạng II trở lên còn hiệu lực.	Được huy động toàn bộ thời gian từ khi khởi công đến khi chuyển sang nghĩa vụ bảo hành. Trong thời gian bảo hành sẽ theo yêu cầu huy động của Chủ đầu tư.
---	---------------	------------	---	---	---

- Toàn bộ các vị trí TVGS đều có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành phù hợp với vị trí công việc.

- Trong quá trình thực hiện giám sát xây dựng công trình, các vị trí tư vấn thay thế, điều chỉnh phải có sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

2.2. Yêu cầu và nội dung công tác giám sát về chất lượng thi công:

2.2.1. Yêu cầu công tác giám sát về chất lượng thi công:

- Lập và phát hành các biểu mẫu nghiệm thu các hạng mục thi công, nghiệm thu chuyển giai đoạn, nghiệm thu hoàn thành cho Nhà thầu thi công phù hợp với quy định hiện hành và quy trình nội bộ của Chủ đầu tư;

- Phòng tránh, ngăn ngừa, khống chế, quản lý rủi ro, không để xảy ra những ảnh hưởng xấu đến chất lượng xây dựng công trình;

- TVGS sẽ thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ và nội dung giám sát, kiểm tra phù hợp yêu cầu về nội dung công việc và tiến độ thi công của nhà thầu thi công; đảm bảo yêu cầu vừa giám sát, kiểm tra chặt chẽ vừa phối hợp và hướng dẫn các nhà thầu thi công thực hiện các biện pháp phòng tránh hoặc giải quyết, xử lý tốt các vấn đề trong quá trình thi công, đảm bảo tuân thủ quy định của hợp đồng, tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành và đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định;

- Kiểm soát chặt chẽ và chủ động, kịp thời tư vấn cho Chủ đầu tư trong việc kiểm định chất lượng khi có nghi ngờ.

2.2.2. Nội dung công tác giám sát về chất lượng thi công:

Kiểm soát chất lượng hồ sơ thiết kế và công tác chuẩn bị thi công của nhà thầu thi công, cụ thể:

- Kiểm tra, rà soát lại các bản vẽ thiết kế của hồ sơ mời thầu, các chỉ dẫn kỹ thuật, các điều khoản hợp đồng, đề xuất với Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư về phương án giải quyết những tồn tại hoặc điều chỉnh cần thiết (nếu có) trong hồ sơ thiết kế cho phù hợp với thực tế và các quy định;

- Căn cứ hồ sơ thiết kế, các chỉ dẫn kỹ thuật đã được duyệt trong hồ sơ mời thầu, các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành được áp dụng cho dự án, thực hiện thẩm tra, rà soát, ký xác nhận tiến độ thi công tổng thể, chi tiết...và trình Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư phê duyệt;

- Căn cứ các hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt, các quyết định điều chỉnh để thẩm

tra các đề xuất khảo sát bổ sung của Nhà thầu, thẩm tra, rà soát và có ý kiến trình Chủ đầu tư/Đại diện chủ đầu tư xem xét quyết định; thực hiện kiểm tra, theo dõi công tác đo đạc, khảo sát bổ sung của Nhà thầu; thẩm tra, soát xét và ký phê duyệt hoặc trình Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư phê duyệt các bản vẽ thiết kế thi công, biện pháp thi công và dự toán của những nội dung điều chỉnh, bổ sung đã được Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án chấp thuận, đảm bảo phù hợp với nội dung và điều kiện quy định trong hồ sơ hợp đồng;

- Kiểm tra các điều kiện khởi công xây dựng công trình theo quy định tại khoản 39 Điều 1 Luật số: 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng;

- Kiểm tra về nhân lực, thiết bị thi công của nhà thầu thi công xây dựng công trình đưa vào công trường; xác nhận số lượng, chất lượng máy móc, thiết bị (giấy chứng nhận của nhà sản xuất, kết quả kiểm định thiết bị của các tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận) của nhà thầu chính, nhà thầu phụ theo hợp đồng xây dựng hoặc theo hồ sơ trúng thầu; kiểm tra công tác chuẩn bị tập kết vật liệu (kho, bãi chứa) và tổ chức công trường thi công (nhà ở, nhà làm việc và các điều kiện sinh hoạt khác);

- Kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công: hệ thống tổ chức các bộ phận kiểm soát chất lượng (từ khâu lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, kiểm soát chất lượng thi công tại công trường); phương pháp, quy trình kiểm soát chất lượng, các quy định cụ thể đối với từng bộ phận trong hệ thống quản lý chất lượng;

- Kiểm tra và xác nhận báo cáo Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư bằng văn bản về chất lượng phòng thí nghiệm hiện trường của nhà thầu thi công theo quy định trong hồ sơ hợp đồng, bao gồm cả chứng chỉ kiểm định còn hiệu lực đối với các thiết bị thí nghiệm; kiểm tra chứng chỉ về năng lực chuyên môn của các cán bộ, kỹ sư, thí nghiệm viên....

Kiểm soát chất lượng trong quá trình thi công:

- Giám sát chất lượng vật liệu, cấu kiện, thiết bị, sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) cần thiết cung cấp cho dự án, công trình tại nguồn cung cấp và tại công trường theo yêu cầu của chỉ dẫn kỹ thuật. Lập biên bản không cho phép sử dụng các loại vật liệu, cấu kiện, thiết bị và sản phẩm không đảm bảo chất lượng do nhà thầu đưa đến công trường, đồng thời yêu cầu chuyển ngay khỏi công trường;

- Giám sát việc lấy mẫu thí nghiệm, chế tạo và bảo dưỡng, bảo quản mẫu, lưu giữ các mẫu đối chứng của nhà thầu; giám sát quá trình thí nghiệm, giám định kết quả thí nghiệm của nhà thầu (nếu cần thiết) và xác nhận vào phiếu thí nghiệm;

- Kiểm tra phương pháp, trình tự thi công của nhà thầu thi công đối với từng hạng mục công trình, công trình (bao gồm cả các hạng mục, công trình phụ trợ: đà giáo, ván khuôn...) đảm bảo tuân thủ biện pháp thi công do cấp có thẩm quyền đã phê duyệt theo quy định.

- Kịp thời kiểm tra, nghiệm thu chất lượng thi công của từng công việc, hạng mục công trình, công trình theo đúng quy định trong hợp đồng, chỉ dẫn kỹ thuật và quy định hiện hành ngay khi có yêu cầu từ nhà thầu thi công, không được chậm trễ hoặc tự ý kéo dài thời gian xử lý mà không báo cáo Chủ đầu tư;

- Khi phát hiện nhà thầu có vi phạm, sai phạm (sai sót thi công, khuyết tật, hư hỏng nhỏ, cục bộ) trong quá trình thi công về chất lượng, an toàn ... phải yêu cầu nhà

thầu tạm dừng thi công và khắc phục ngay hoặc thực hiện đúng hợp đồng đã ký với Chủ đầu tư. Sau khi tạm dừng thi công, phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư bằng văn bản để Chủ đầu tư xem xét quyết định;

- Khi phát hiện hoặc xảy ra các sự cố hư hỏng các bộ phận công trình, phải tạm đình chỉ thi công và lập biên bản hoặc hồ sơ sự cố theo quy định hiện hành và báo cáo ngay với Chủ đầu tư. Tùy theo mức độ sự cố, thẩm tra giải pháp khắc phục theo đề xuất của nhà thầu thi công hoặc phối hợp với nhà thầu để đề xuất giải pháp khắc phục hậu quả, trình Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư xem xét, giải quyết theo quy định;

- Kiểm tra đánh giá kịp thời chất lượng, các hạng mục công việc, bộ phận công trình; yêu cầu tổ chức và tham gia các bước nghiệm thu theo quy định hiện hành;

- Xác nhận bằng biên bản hoặc văn bản kết quả thi công của nhà thầu đạt yêu cầu về chất lượng theo quy định trong hồ sơ thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật được duyệt.

2.3. Quản lý, giám sát thực hiện tiến độ thi công:

- Căn cứ theo bảng tiến độ thi công tổng thể, rà soát tiến độ chi tiết do Nhà thầu lập trình Chủ đầu tư/Đại diện chủ đầu tư phê duyệt. Kiểm tra thường xuyên việc thực hiện của nhà thầu trong quá trình thi công đối với từng hạng mục công việc, hạng mục công trình và công trình đảm bảo phù hợp với tiến độ đã phê duyệt. Trường hợp tiến độ thi công thực tế của một hoặc một số hạng mục công việc, công trình bị chậm so với tiến độ chi tiết, cần yêu cầu nhà thầu điều chỉnh tiến độ thi công cho phù hợp với thực tế thi công và các điều kiện khác tại công trường, nhưng không làm ảnh hưởng đến tiến độ tổng thể của gói thầu, dự án, báo cáo Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư xem xét chấp thuận; đồng thời kiểm tra đôn đốc đảm bảo tiến độ yêu cầu sau khi điều chỉnh;

- Phối hợp với nhà thầu thi công để đề xuất hoặc kiểm soát đề xuất của nhà thầu thi công về các giải pháp rút ngắn tiến độ thi công trên nguyên tắc không được làm ảnh hưởng đến chất lượng và đảm bảo giá thành hợp lý;

- Trường hợp tổng tiến độ thi công của gói thầu, dự án bị kéo dài so với quy định của hợp đồng, thì TVGS phải đánh giá, xác định các nguyên nhân, trong đó cần phân định rõ các yếu tố thuộc trách nhiệm của nhà thầu thi công và các yếu tố khách quan khác, báo cáo Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư bằng văn bản để Chủ đầu tư xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định của hợp đồng và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc điều chỉnh tiến độ của hợp đồng hoặc dự án theo quy định;

- Thường xuyên kiểm tra năng lực của nhà thầu về nhân lực, thiết bị thi công so với hợp đồng xây dựng hoặc theo hồ sơ trúng thầu và thực tế thi công tối thiểu 01 lần một tuần/tháng; yêu cầu nhà thầu bổ sung hoặc báo cáo, đề xuất với Chủ đầu tư các yêu cầu bổ sung, thay thế nhà thầu, nhà thầu phụ để đảm bảo tiến độ khi thấy cần thiết;

- Xác nhận việc kéo dài hoặc rút ngắn tiến độ của nhà thầu thi công làm cơ sở để Chủ đầu tư, cơ quan có thẩm quyền xem xét việc thưởng, phạt hoặc các hình thức xử lý theo quy định của hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật.

2.4. Giám sát về khối lượng, chi phí xây dựng:

- Kiểm tra xác nhận, nghiệm thu về: khối lượng đạt chất lượng, đơn giá đúng quy định do nhà thầu thi công lập và trình, giá trị vật tư trên công trường hoặc giá trị bán thành phẩm (nếu có); đối chiếu với hồ sơ hợp đồng, bản vẽ thi công được duyệt và thực tế thi công để đưa vào chứng chỉ thanh toán hàng tháng hoặc từng kỳ, theo yêu cầu của

hồ sơ hợp đồng;

- Căn cứ tình hình thực tế thi công và hồ sơ thiết kế được duyệt, điều kiện hợp đồng, xem xét đề xuất của nhà thầu xây lắp, đề xuất giải pháp và báo cáo kịp thời Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư về: khối lượng phát sinh có trong hợp đồng gốc, khối lượng phát sinh mới ngoài hợp đồng gốc, do các thay đổi về phạm vi công việc và thiết kế được duyệt. Sau khi có sự thống nhất của Chủ đầu tư bằng văn bản, rà soát, kiểm tra hồ sơ thiết kế, tính toán khối lượng, đơn giá do điều chỉnh hoặc bổ sung do nhà thầu thực hiện, lập báo cáo và đề xuất với Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư xem xét chấp thuận;

- Theo dõi, kiểm tra các nội dung điều chỉnh giá, trượt giá, biến động giá; thực hiện yêu cầu của Chủ đầu tư trong việc lập, thẩm tra dự toán bổ sung và điều chỉnh dự toán; hướng dẫn và kiểm tra nhà thầu lập hồ sơ trượt giá, điều chỉnh biến động giá theo quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành;

- Cùng tham gia với Chủ đầu tư thương thảo phụ lục điều chỉnh, bổ sung hợp đồng khi có yêu cầu của Chủ đầu tư. Đề xuất với Chủ đầu tư phương án giải quyết tranh chấp hợp đồng (nếu có) và hỗ trợ Chủ đầu tư trong quá trình giải quyết tranh chấp.

2.5. Giám sát thực hiện công tác đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường.

- Kiểm tra, chấp thuận hồ sơ thiết kế về tổ chức thi công, đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường khi thi công xây dựng của nhà thầu;

- Kiểm tra, chấp thuận hệ thống quản lý kiểm soát của nhà thầu thi công về công tác an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường; kiểm tra việc thực hiện và phổ biến các biện pháp, nội quy an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường cho các cá nhân tham gia dự án của các nhà thầu;

- Thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh kịp thời việc triển khai tại hiện trường của nhà thầu thi công về: bố trí các phương tiện, dụng cụ, thiết bị thi công, phương pháp thi công... phù hợp với hồ sơ được duyệt; những biện pháp đảm bảo an toàn lao động (biện pháp phòng hộ, dụng cụ bảo hộ lao động, chế độ, thời gian làm việc...), biện pháp đảm bảo an toàn giao thông (bố trí lực lượng cảnh giới, hướng dẫn, các biển báo, rào chắn, đèn tín hiệu cảnh giới...) và các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng, chống cháy nổ, trong quá trình thi công theo đúng quy định. Chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư, trước pháp luật nếu để xảy ra các tai nạn, sự cố... do vi phạm về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường của Nhà thầu;

- Tạm dừng thi công khi nhà thầu thi công có dấu hiệu vi phạm về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường, đồng thời yêu cầu, hướng dẫn nhà thầu thực hiện các biện pháp khắc phục. Chỉ cho phép tiếp tục thi công khi các điều kiện nêu trên đảm bảo quy định. Báo cáo với Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư để quyết định đình chỉ thi công xây dựng hoặc chấm dứt hợp đồng thi công xây dựng với nhà thầu thi công xây dựng không đáp ứng yêu cầu;

- Trường hợp xảy ra sự cố lớn về an toàn lao động, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ tiến hành lập biên bản, tạm đình chỉ thi công đồng thời có văn bản báo cáo và đề xuất với Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư biện pháp xử lý, làm

cơ sở để Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư báo cáo và phối hợp với các cơ quan chức năng về an toàn giao thông, an toàn lao động và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật. Phối hợp với nhà thầu thi công xây dựng xử lý, khắc phục theo quy định sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép nhằm đảm bảo yêu cầu tiến độ.

2.6. Những nội dung thực hiện khác của TVGS trong quá trình thi công

- Xác nhận, đánh giá kết quả thực hiện hàng ngày của nhà thầu thi công vào nhật ký thi công công trình;

- Lập báo cáo định kỳ (tuần/tháng), báo cáo khi tổ chức nghiệm thu giai đoạn, nghiệm thu hoàn thành gói thầu/hạng mục công trình/công trình xây dựng và đột xuất (khi có yêu cầu hoặc khi thấy cần thiết) gửi Chủ đầu tư. Các nội dung theo quy định tại Phụ lục IVa, IVb của nghị định 06/2021/NĐ-CP;

- Tiếp nhận, đối chiếu và hướng dẫn nhà thầu xử lý theo các kết quả kiểm tra, thẩm định, giám định, phúc tra của các cơ quan chức năng và Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư;

- Kiểm tra, đôn đốc nhà thầu lập hồ sơ hoàn công, thanh, quyết toán kinh phí xây dựng, rà soát và xác nhận để trình Chủ đầu tư xem xét phê duyệt;

- Tham gia thành phần hội đồng nghiệm thu theo quy định;

- Phối hợp chặt chẽ với các thành phần của giám sát cộng đồng; tham gia giải quyết những sự cố có liên quan đến công trình xây dựng và báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

- Thực hiện các công việc khác thuộc nghĩa vụ và trách nhiệm của Tư vấn giám sát trong các quy định hiện hành.

2.7. Giám sát trong giai đoạn bảo hành:

- Kiểm tra tình trạng công trình xây dựng, phát hiện hư hỏng để yêu cầu nhà thầu thi công, nhà thầu cung ứng thiết bị công trình xác định nguyên nhân, đề xuất giải pháp sửa chữa, thay thế; rà soát và báo cáo Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án xem xét, chấp thuận về nguyên nhân hư hỏng, giải pháp sửa chữa, khắc phục; thay thế của các nhà thầu thi công, cung ứng thiết bị;

- Giám sát và nghiệm thu công việc khắc phục, sửa chữa của nhà thầu thi công xây dựng và nhà thầu cung ứng thiết bị công trình xây dựng;

- Xác nhận hoàn thành bảo hành công trình xây dựng cho nhà thầu thi công xây dựng công trình và nhà thầu cung ứng thiết bị công trình.

2.8. Đối với những công việc, khối lượng phát sinh.

- Trong quá trình thực hiện dự án, nếu có bất kỳ sai khác hoặc không hợp lý nào so với Hồ sơ thiết kế được duyệt phải tạm dừng thi công và lập biên bản, hồ sơ thay đổi theo quy định hiện hành và báo cáo ngay với Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư, đề nghị Tư vấn thiết kế kiểm tra, khảo sát và thống nhất phương án xử lý.

- Căn cứ Hồ sơ phát sinh do đơn vị Tư vấn/Nhà thầu lập, TVGS tính toán, kiểm tra, xác nhận và báo cáo Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư về khối lượng phát sinh (Khối lượng phát sinh là những khối lượng tăng vượt quá khối lượng hợp đồng hoặc không có trong khối lượng hợp đồng) để chấp thuận theo quy định, tránh làm ảnh hưởng đến tiến độ gói thầu.

th

3. Sơ đồ tổ chức thực hiện:

3.1 Tổ chức TVGS tại hiện trường (Sơ đồ 1);

3.2 Sơ đồ các quy trình giám sát hiện trường (Sơ đồ 2);

3.3 Sơ đồ quản lý chất lượng (Sơ đồ 3);

3.4 Sơ đồ quản lý kiểm soát tiến độ (Sơ đồ 4);

3.5 Trình tự nghiệm thu (Sơ đồ 5 & 6);

3.6 Trình tự kiểm soát khối lượng và thanh toán (Sơ đồ 7);

3.7 Trình tự nghiệm thu hoàn thành công trình/hạng mục công trình đưa vào sử dụng (Sơ đồ 8).

10

01 VĂN PHÒNG TVGS

- Đặt tại vị trí thích hợp trên tuyến cao tốc để thực hiện nhiệm vụ.
- Gồm: Giám sát trưởng, các Giám sát viên hiện trường

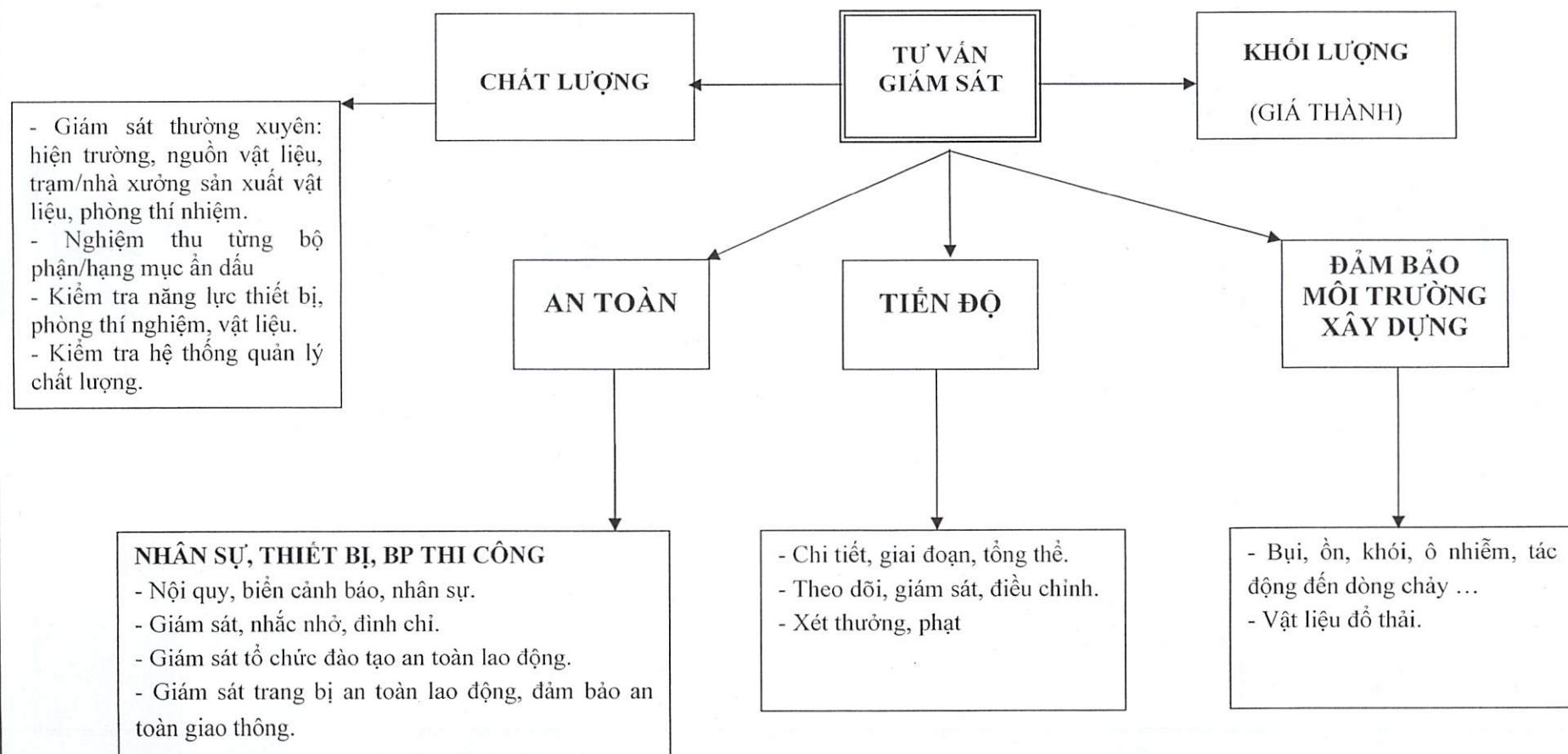
Các đoạn trên tuyến chính

TT	Chức danh	Thời gian huy động
1	Giám sát trưởng.	- Toàn bộ thời gian từ khi ký hợp đồng TVGS đến khi chuyển sang nghĩa vụ bảo hành. Từ thời gian bảo hành đến hết nghĩa vụ hợp đồng TVGS sẽ theo yêu cầu huy động của Chủ đầu tư.
2	Giám sát vật liệu, giám sát cầu, giám sát viên hiện trường	- Thời điểm bắt đầu huy động phù hợp với tiến độ thi công và thời điểm triển khai các gói thầu xây lắp trên hiện trường cho đến khi chuyển sang nghĩa vụ bảo hành của gói thầu xây lắp. Trong thời gian bảo hành sẽ theo yêu cầu huy động của Chủ đầu tư.

Ghi chú: Nhân sự của nhà thầu TVGS tại văn phòng TVGS sẽ được trình kèm theo bảng Quyết định thành lập Văn phòng TVGS tại hiện trường. Văn phòng và nhân sự TVGS sẽ được huy động theo tiến độ gói thầu xây dựng được triển khai trên thực tế.

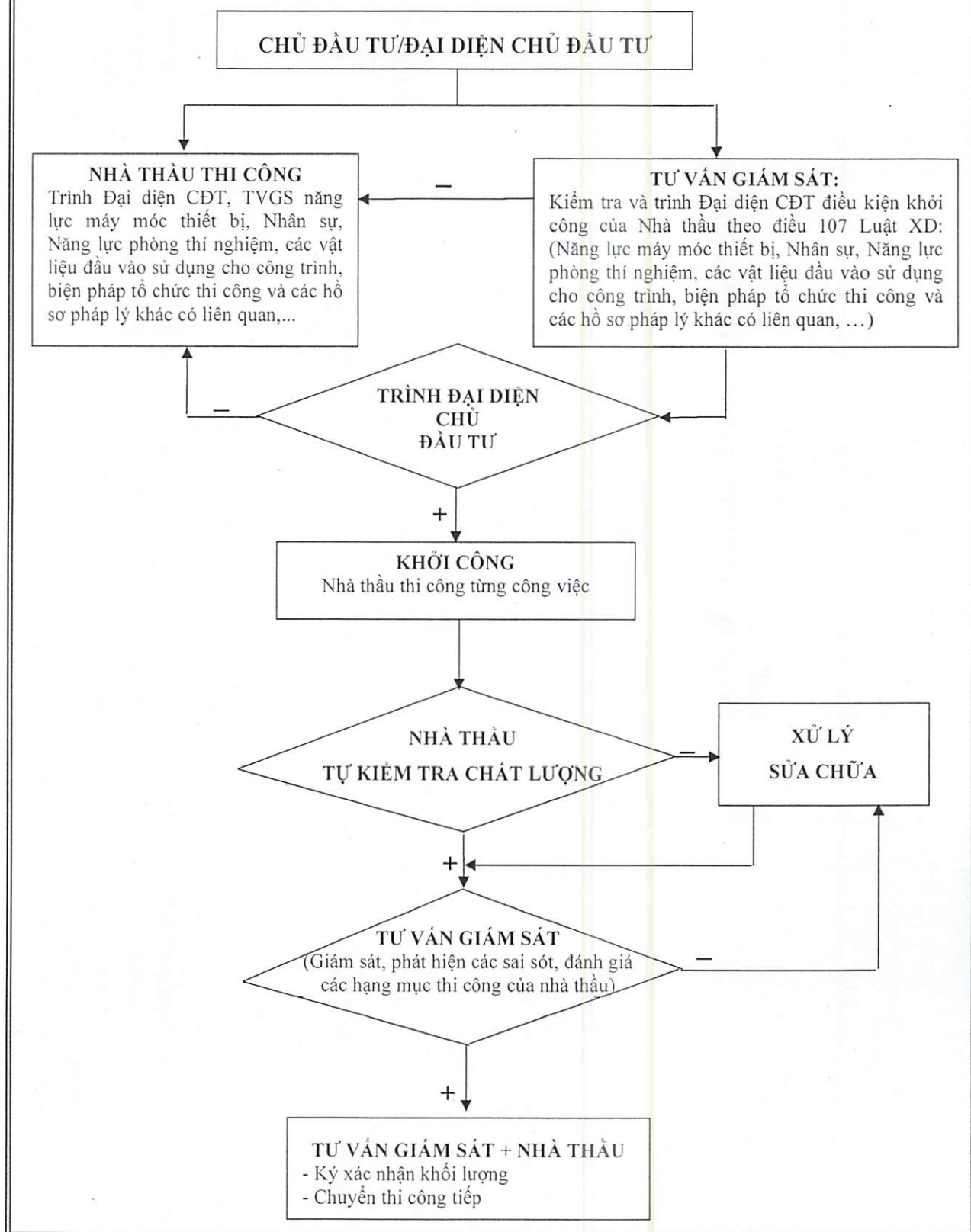
Sơ đồ 02

CÁC QUY TRÌNH GIÁM SÁT HIỆN TRƯỜNG



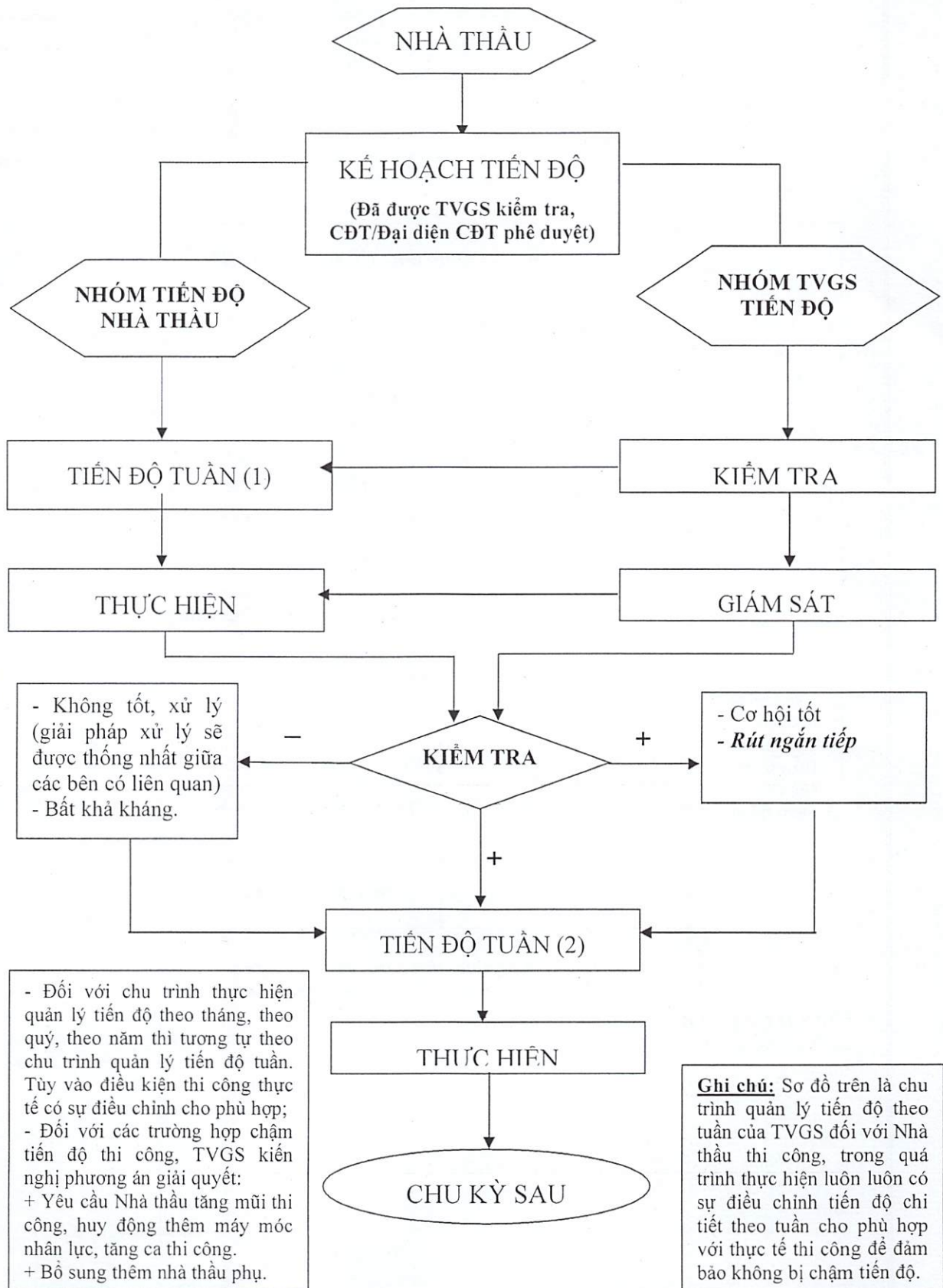
Sơ đồ 03

QUY TRÌNH GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG THI CÔNG



Sơ đồ 04

QUY TRÌNH GIÁM SÁT, QUẢN LÝ TIẾN ĐỘ



Sơ đồ 05

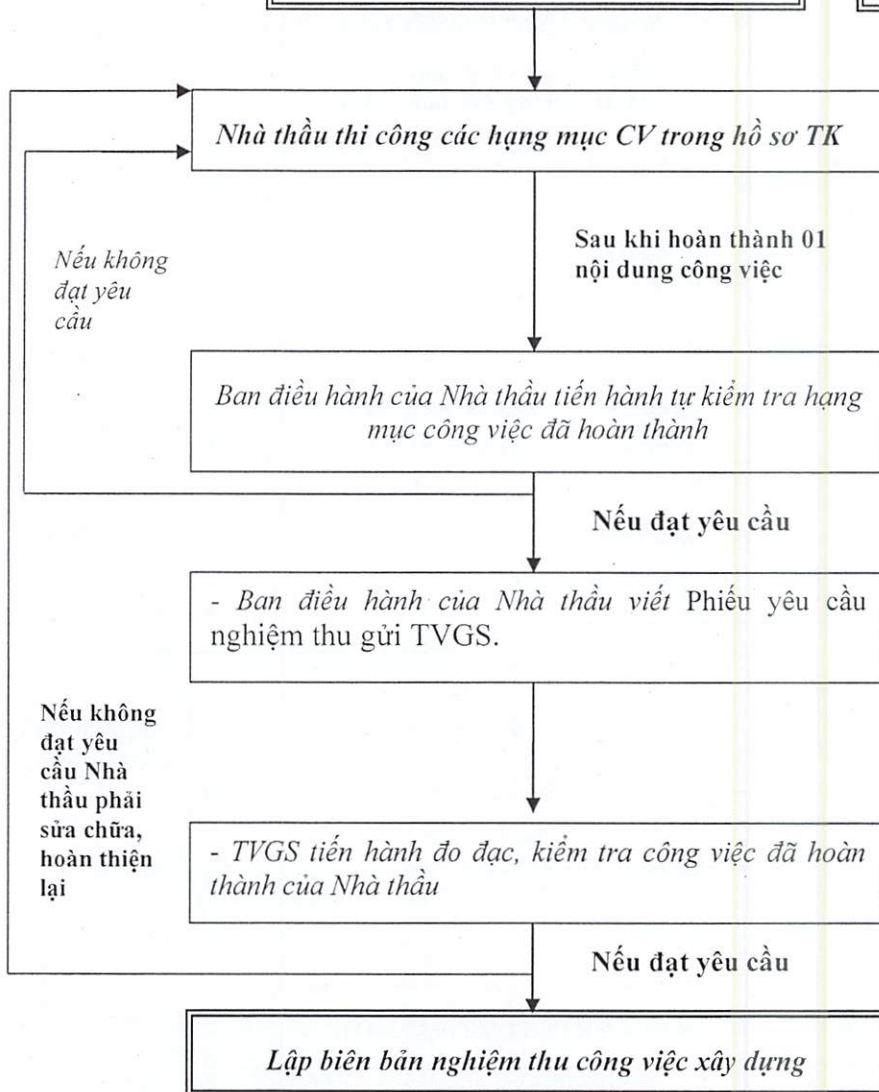
NGHIỆM THU CÔNG VIỆC XÂY DỰNG

(Điều 21, Nghị định 06/2021/NĐ-CP)

Căn cứ vào HSDT, chỉ dẫn kỹ thuật, BVTCT đã được phê duyệt: Nhà thầu huy động máy móc, thiết bị, nhân lực,... và bắt đầu thi công. TVGS kiểm tra, xem xét.

Thành phần nghiệm thu bao gồm:

1. TVGS
2. Nhà thầu thi công



CÁC TÀI LIỆU LÀM CĂN CỨ NGHIỆM THU:

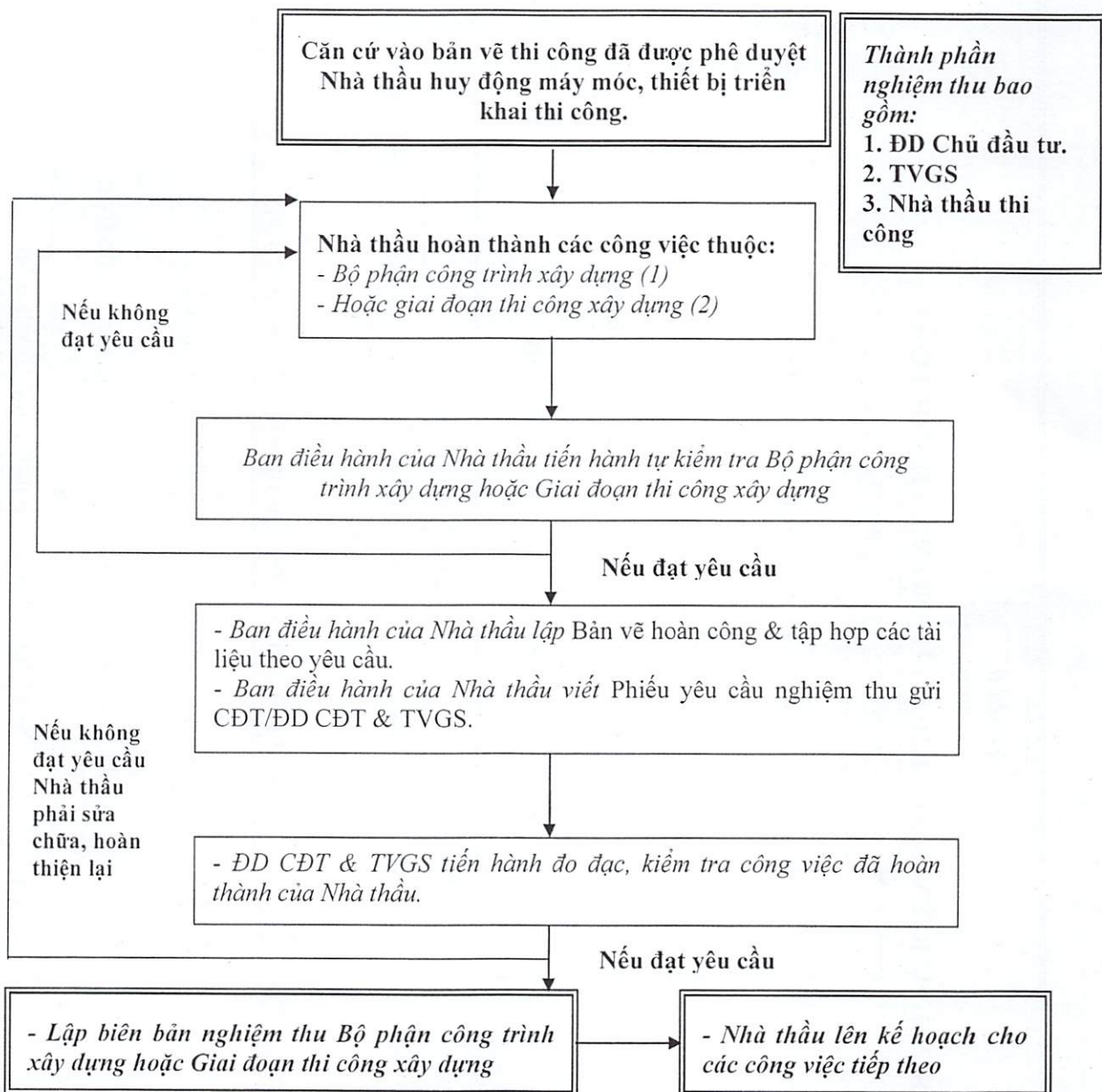
- 1- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng.
- 2- Hồ sơ thiết kế Bản vẽ thi công đã được Chủ đầu tư phê duyệt.
- 3- Các thay đổi thiết kế (nếu có)
- 4- Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng.
- 5- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng xây dựng.

- 6- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng.
- 7- Nhật ký thi công của Nhà thầu

Sơ đồ 06

NGHIỆM THU BỘ PHẬN CÔNG TRÌNH/ GIAI ĐOẠN THI CÔNG

(Điều 22. nghị định 06/2021/NĐ-CP)



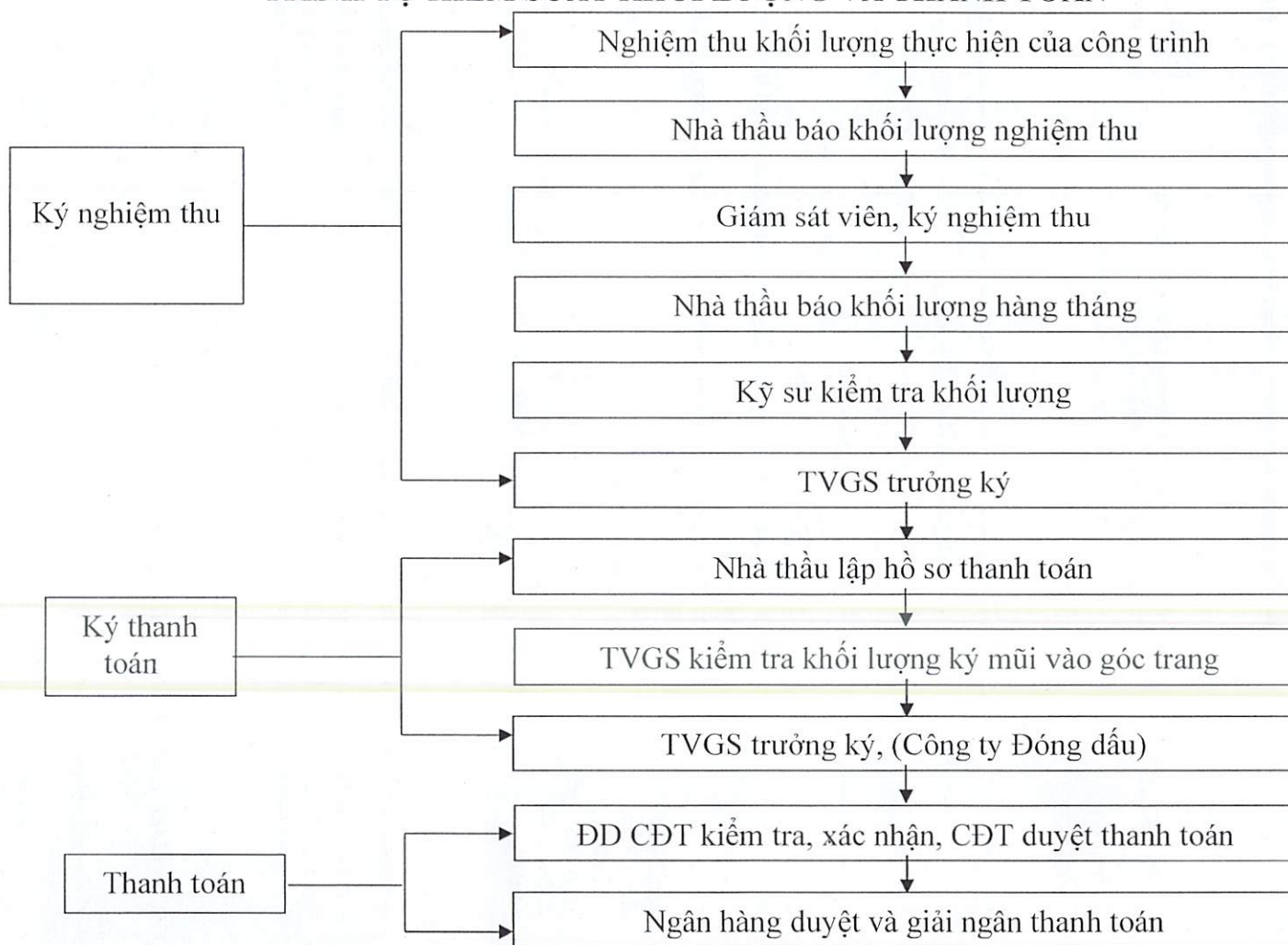
CÁC TÀI LIỆU LÀM CĂN CỨ NGHIỆM THU:

- 1- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng.
- 2- Hồ sơ thiết kế Bản vẽ thi công đã được Chủ đầu tư phê duyệt.
- 3- Các thay đổi thiết kế (nếu có)
- 4- Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng.
- 5- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng xây dựng.
- 6- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng.

- 7- Nhật ký thi công của Nhà thầu;
- 8- Biên bản nghiệm thu các công việc thuộc Bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng được nghiệm thu.
- 9- Bản vẽ hoàn công Bộ phận công trình xây dựng.
10. Công tác chuẩn bị các công việc để triển khai giai đoạn thi công xây dựng tiếp theo.

Sơ đồ 07

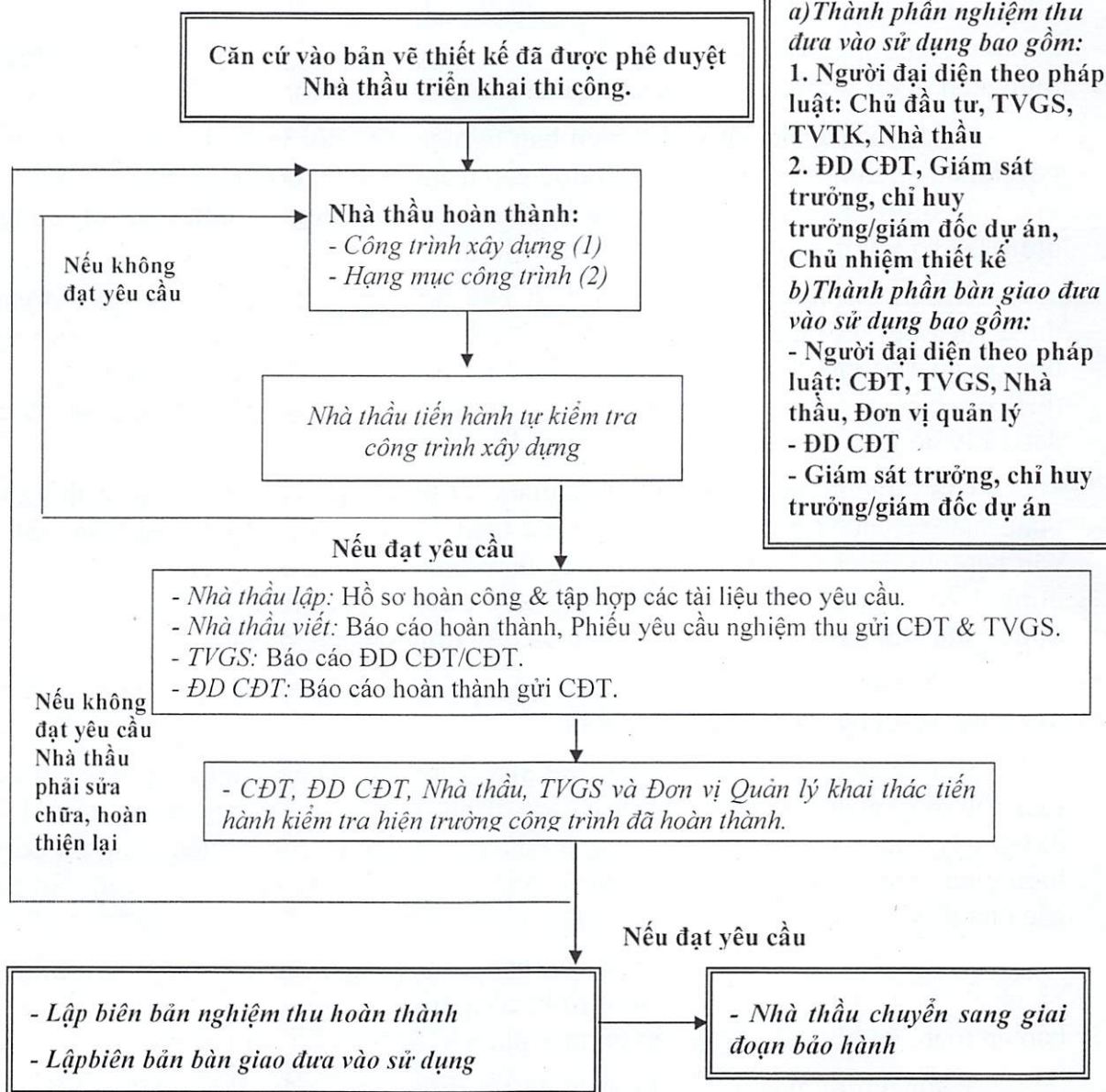
TRÌNH TỰ KIỂM SOÁT KHỐI LƯỢNG VÀ THANH TOÁN



Sơ đồ 08

NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH/ HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

(Điều 23, nghị định 06/2021/NĐ-CP)



a) Thành phần nghiệm thu đưa vào sử dụng bao gồm:
1. Người đại diện theo pháp luật: Chủ đầu tư, TVGS, TVTK, Nhà thầu
2. ĐD CĐT, Giám sát trưởng, chỉ huy trưởng/giám đốc dự án, Chủ nhiệm thiết kế
b) Thành phần bàn giao đưa vào sử dụng bao gồm:
- Người đại diện theo pháp luật: CĐT, TVGS, Nhà thầu, Đơn vị quản lý
- ĐD CĐT
- Giám sát trưởng, chỉ huy trưởng/giám đốc dự án

CÁC TÀI LIỆU LÀM CĂN CỨ NGHIỆM THU:

- 1- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng.
- 2- Hồ sơ thiết kế Bản vẽ thi công đã được Chủ đầu tư phê duyệt.
- 3- Các thay đổi thiết kế (nếu có)
- 4- Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng.
- 5- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng xây dựng.
- 6- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng.

- 7- Nhật ký thi công của Nhà thầu;
- 8- Các biên bản nghiệm thu công việc, giai đoạn thi công xây dựng.
- 9- Hồ sơ hoàn công Bộ phận công trình xây dựng.
10. Biên bản xác nhận hiện trường công trình không khuyết tật/đã khắc phục sửa chữa khuyết tật.

3.8. Trách nhiệm, quyền hạn của TVGS:

3.8.1. Trách nhiệm và quyền hạn của Giám sát trưởng:

- Tổ chức quản lý, điều hành toàn diện công tác giám sát thi công xây dựng theo các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, phù hợp với các nội dung của hợp đồng, phạm vi công việc được chủ đầu tư giao, hệ thống quản lý chất lượng và các quy định của pháp luật có liên quan;
- Phân công công việc, quy định trách nhiệm cụ thể và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện giám sát thi công xây dựng của các giám sát viên;
- Thực hiện giám sát và ký biên bản nghiệm thu đối với các công việc phù hợp với nội dung chứng chỉ hành nghề được cấp trong trường hợp trực tiếp giám sát công việc xây dựng. Kiểm tra, rà soát và ký bản vẽ hoàn công do nhà thầu thi công xây dựng lập so với thực tế thi công theo quy định;
- Tham gia nghiệm thu và ký biên bản nghiệm thu hoàn thành giai đoạn xây dựng (nếu có), gói thầu, hạng mục công trình, công trình xây dựng. Từ chối nghiệm thu khi chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng không đáp ứng yêu cầu thiết kế, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình; thông báo cho chủ đầu tư lý do từ chối nghiệm thu bằng văn bản;
- Chịu trách nhiệm trước tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình và trước pháp luật về các công việc do mình thực hiện. Từ chối việc thực hiện giám sát bằng văn bản khi công việc xây dựng không tuân thủ quy hoạch xây dựng, giấy phép xây dựng đối với công trình phải cấp phép xây dựng, thiết kế xây dựng, hợp đồng xây dựng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu và quy định của pháp luật;
- Phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình;
- Không chấp thuận các ý kiến, kết quả giám sát của các giám sát viên khi không tuân thủ giấy phép xây dựng đối với công trình phải cấp phép xây dựng, thiết kế xây dựng, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng, chỉ dẫn kỹ thuật, biện pháp thi công và biện pháp đảm bảo an toàn được phê duyệt, hợp đồng xây dựng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu và quy định của pháp luật;
- Đề xuất với chủ đầu tư bằng văn bản về việc tạm dừng thi công khi phát hiện bộ phận công trình, hạng mục công trình, công trình xây dựng có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, có khả năng gây sập đổ một phần hoặc toàn bộ công trình;
- Kiến nghị với chủ đầu tư về việc tổ chức quan trắc, thí nghiệm, kiểm định hạng mục công trình, công trình xây dựng trong trường hợp cần thiết và các nội dung liên quan đến thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình (nếu có).

3.8.2. Trách nhiệm và quyền hạn của các Giám sát viên khác:

- Thực hiện giám sát công việc xây dựng theo phân công của Giám sát trưởng phù hợp với nội dung chứng chỉ hành nghề được cấp. Chịu trách nhiệm trước Kỹ sư trưởng và pháp luật về các công việc do mình thực hiện;
- Giám sát công việc xây dựng theo giấy phép xây dựng đối với công trình phải cấp phép xây dựng, thiết kế xây dựng, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng, chỉ dẫn kỹ thuật, biện pháp thi công và biện pháp đảm bảo an toàn được phê duyệt;

th

- Trực tiếp tham gia và ký biên bản nghiệm thu công việc xây dựng; kiểm tra, rà soát bản vẽ hoàn công do nhà thầu thi công xây dựng lập so với thực tế thi công đối với các công việc xây dựng do mình trực tiếp giám sát;

- Từ chối thực hiện các yêu cầu trái với hợp đồng xây dựng đã được ký giữa chủ đầu tư với các nhà thầu và quy định của pháp luật;

- Báo cáo kịp thời cho Giám sát trưởng về những sai khác, vi phạm so với giấy phép xây dựng đối với công trình phải cấp phép xây dựng, thiết kế xây dựng, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng, biện pháp thi công, chỉ dẫn kỹ thuật, biện pháp đảm bảo an toàn được phê duyệt, hợp đồng xây dựng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu và quy định của pháp luật. Kiến nghị, đề xuất từ chối nghiệm thu công việc xây dựng với Giám sát trưởng bằng văn bản;

- Đề xuất với Giám sát trưởng bằng văn bản về việc tạm dừng thi công đối với trường hợp phát hiện bộ phận công trình, hạng mục công trình, công trình xây dựng có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, có khả năng gây sập đổ một phần hoặc toàn bộ công trình và thông báo kịp thời cho chủ đầu tư xử lý;

- Đề xuất, kiến nghị với Giám sát trưởng về việc tổ chức quan trắc, thí nghiệm, kiểm định hạng mục công trình, công trình xây dựng trong trường hợp cần thiết và các nội dung liên quan đến thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình (nếu có).

4. Tư vấn giám sát hướng dẫn nhà thầu thực hiện và giải quyết:

4.1. Công tác chuẩn bị triển khai:

4.1.1. Công tác văn phòng:

Nhà thầu thi công phải đệ trình cho TVGS và Chủ đầu tư các văn bản sau:

- Quyết định thành lập Ban điều hành dự án, quyết định giao nhiệm vụ cho Giám đốc điều hành dự án và các chức vụ khác của Nhà thầu, danh sách cán bộ kỹ thuật của Nhà thầu trong đó phải bao gồm: Họ tên, năm sinh, trình độ chuyên môn, chức vụ, địa chỉ và số điện thoại để liên hệ;

- Thuê hoặc xây dựng văn phòng của Ban điều hành dự án, đội thi công sau đó thông báo cho TVGS và Chủ đầu tư bằng văn bản;

- Huy động Phòng Thí nghiệm hiện trường, trạm sản xuất bê tông nhựa báo TVGS kiểm tra, chấp thuận trước khi đưa vào sử dụng. Lập đề cương công tác thí nghiệm trình TVGS kiểm tra, chấp thuận.

4.1.2. Công tác huy động máy móc thiết bị thi công, tập kết vật liệu:

- Trước khi triển khai thi công các hạng mục công trình ngoài hiện trường, Nhà thầu phải trình TVGS danh mục máy móc thiết bị mà nhà thầu huy động để phục vụ công tác thi công gói thầu.

- Khi thực hiện huy động máy móc thiết bị thi công tại công trình xây dựng nhà thầu phải báo TVGS kiểm tra trước khi đưa vào sử dụng. Các máy móc thiết bị phải đảm bảo các yếu tố sau:

+ Các máy móc thiết bị mà nhà thầu huy động phải phù hợp với hồ sơ đề xuất/dự thầu và có tính năng sử dụng phù hợp với công việc triển khai thi công thực tế ngoài công trình, phù hợp với biện pháp thi công của nhà thầu đề xuất.

149

+ Nhà thầu phải xuất trình các giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ và các chứng nhận đăng kiểm của máy móc thiết bị được huy động.

+ Nhà thầu phải xuất trình các chứng nhận tay nghề hoặc bằng cấp, chứng chỉ đối với các lái xe, lái máy và công nhân sử dụng các máy móc thiết bị thi công.

- Đối với vật liệu đưa vào sử dụng cho công trình, nhà thầu phải trình TVGS danh mục các loại vật liệu, các mỏ vật liệu, các nguồn vật liệu mà nhà thầu dự kiến sẽ khai thác hoặc lấy để sử dụng cho công trình xem xét chấp thuận trước khi đưa vào thi công. Các vật liệu đưa vào phải đảm bảo các yếu tố sau:

+ Các vật liệu phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, phải chứng nhận về mặt chất lượng của nhà sản xuất theo quy định;

+ Các nguồn vật liệu hoặc mỏ vật liệu phải đảm bảo trữ lượng khai thác và công suất sản xuất đủ để phục vụ thi công theo kế hoạch tiến độ thi công của Chủ đầu tư;

+ Cự ly của các nguồn vật liệu hoặc mỏ vật liệu không được quá xa so với công trường thi công để đảm bảo tính khả thi khi tập kết vật liệu theo yêu cầu tiến độ thi công của Chủ đầu tư.

+ Chất lượng của các loại vật liệu lấy tại các mỏ vật liệu, sau khi kiểm tra phải đảm bảo được yêu cầu về các chỉ tiêu cơ lý theo quy trình, quy phạm hiện hành.

- Đối với bãi thải sử dụng cho công trình: nhà thầu phải trình TVGS hồ sơ bãi thải bao gồm nhưng không giới hạn (danh mục, văn bản thỏa thuận, sơ đồ, trữ lượng).

4.1.3. Công tác giao nhận mặt bằng thi công:

Nhà thầu có trách nhiệm tiếp nhận và quản lý mặt bằng xây dựng, bảo quản mốc định vị và mốc giới công trình.

Khi nhận mặt bằng thi công, Nhà thầu phải chuẩn bị đủ người và thiết bị để thực hiện công tác giao nhận mặt bằng thi công từ Chủ đầu tư và Tư vấn thiết kế. Các nội dung chính khi nhận:

+ Mốc đường chuyền, mốc cao độ các cấp (GPS, đường chuyền cấp II,...);

+ Tất cả các cọc chi tiết theo hồ sơ thiết kế được duyệt;

+ Hiện trạng các công trình, hạng mục được tận dụng...

4.2. Công tác lập biện pháp tổ chức thi công:

Dựa trên hồ sơ thiết kế được duyệt, thực tế hiện trường và tiến độ thi công, năng lực từng đơn vị cũng như tiến độ của dự án, Nhà thầu tiến hành lập biện pháp tổ chức thi công tổng thể và biện pháp tổ chức thi công chi tiết trình TVGS xem xét và Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư chấp thuận trước khi triển khai các hạng mục xây dựng.

Trong biện pháp tổ chức thi công chi tiết cần nêu rõ:

+ Thời gian thi công theo hợp đồng;

+ Số mũi thi công;

+ Tiến độ thi công theo mùa (khô, mưa);

+ Số lượng thiết bị, nhân lực, cán bộ kỹ thuật cần thiết để đảm bảo đủ khả năng phục vụ cho dự án đảm bảo tiến độ;

kt

+ Phải thể hiện rõ tiến độ từng hạng mục như trong hồ sơ thiết kế (chuẩn bị công địa thi công, sơn kẻ đường, dán phản quang biển báo, sơn hầm chui, sửa chữa trạm thu phí, lắp đặt hàng rào, sửa chữa cầu trên tuyến...);

+ Phải chỉ rõ mỏ vật liệu, cơ sở sản xuất, cung cấp rọ đá..., cũng như các nguồn gốc vật liệu dự kiến sử dụng cho dự án;

+ Phải nêu rõ biện pháp quản lý và kiểm soát chất lượng trong quá trình thi công;

+ Phải nêu rõ biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, biện pháp công tác đảm bảo an toàn giao thông, hệ thống cọc tiêu biển báo, rào chắn và các công trình phụ trợ. Đặc biệt biện pháp đảm bảo an toàn giao thông phải được lập thành một hồ sơ riêng, trình để có sự chấp thuận của đơn vị quản lý vận hành tuyến đường được sửa chữa.

4.3. Công tác quản lý an toàn, môi trường:

Căn cứ vào giải pháp và tiến độ thi công mà Nhà thầu lập giải pháp đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường cho từng hạng mục thi công trình TVGS xem xét và chấp thuận;

Trong trường hợp do nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan có ảnh hưởng bất lợi tới công tác an toàn và vệ sinh môi trường trên công trường, Nhà thầu phải điều chỉnh lại cho phù hợp thực tế và trình TVGS chấp thuận lại.

4.4. Công tác triển khai thi công:

Trong quá trình triển khai dự án TVGS và Nhà thầu phải tuân thủ thiết kế được duyệt, các tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án và các quy trình, quy phạm hiện hành. Trong quá trình triển khai dự án cần làm tốt các công tác sau:

4.4.1. Trách nhiệm của Tư vấn giám sát và Nhà thầu thi công:

Trách nhiệm của TVGS và Nhà thầu là phải tiến hành thực hiện dự án theo đúng hợp đồng đã ký với Chủ đầu tư, hoàn thành công trình đảm bảo chất lượng, tiến độ được duyệt. Trong quá trình thực hiện dự án phải tuân thủ pháp luật, các văn bản pháp quy của nhà nước, các quy trình quy phạm hiện hành, các tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án.

4.4.2. Điều kiện để tiến hành thi công:

Nhà thầu chỉ tiến hành thi công khi có đủ các điều kiện sau:

- Có văn phòng Ban điều hành và trang thiết bị cần thiết được TVGS chấp thuận;
- Phòng thí nghiệm hiện trường đã được TVGS chấp thuận;
- Các nguồn vật liệu, bãi đổ thải được TVGS chấp thuận;
- Biện pháp tổ chức thi công tổng thể và biện pháp tổ chức thi công chi tiết;
- Huy động nhân lực, máy móc cần thiết đến hiện trường;
- Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông được TVGS kiểm tra, Chủ đầu tư chấp thuận;
- Giấy phép thi công.

4.4.3. Công tác hiện trường:

- Trước khi đề nghị TVGS kiểm tra nghiệm thu bất kỳ hạng mục/công việc nào thì Nhà thầu phải tự kiểm tra chất lượng sau đó viết phiếu yêu cầu TVGS kiểm tra

122

nghiệm thu hạng mục/công việc đã thực hiện trước 20 giờ ngày hôm trước (trừ những công việc bất khả kháng) để TVGS có kế hoạch nghiệm thu, hồ sơ nghiệm thu bao gồm:

- + Phiếu yêu cầu TVGS kiểm tra nghiệm thu;
- + Biên bản trình TVGS nghiệm thu công việc xây dựng;
- + Các phụ lục đo đạc, kiểm tra chất lượng, cao độ, kích thước hình học, kết quả thí nghiệm, bản vẽ thi công đối với hạng mục/công việc được nghiệm thu (các tài liệu liên quan kèm theo);
- + Khối lượng dự kiến nghiệm thu;
- Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị nghiệm thu của Nhà thầu, căn cứ vào hồ sơ thiết kế được duyệt, chỉ dẫn và quy định kỹ thuật của dự án, các quy định trong quy trình quy phạm áp dụng cho Dự án, TVGS kiểm tra thủ tục yêu cầu và cùng Nhà thầu tiến hành kiểm tra tại hiện trường. Kết quả nghiệm thu phải được TVGS hiện trường đánh giá kết luận ngay sau khi kiểm tra nghiệm thu;
- Mẫu biểu sử dụng để nghiệm thu phù hợp với hướng dẫn tại văn bản số 6553/BGTVT-CQLXD ngày 29/6/2022 của Bộ GTVT về việc thống nhất mẫu hồ sơ nghiệm thu, quy trình thủ tục nghiệm thu thanh toán trong giai đoạn thực hiện dự án các dự án kết cấu hạ tầng giao thông. Nhà thầu, TVGS, Chủ đầu tư sử dụng 1 loại thống nhất từ đầu đến cuối dự án (Trừ khi có quy định khác của cấp có thẩm quyền);
- Số bộ các biên bản nghiệm thu (bao gồm các tài liệu phụ trợ kèm theo): Tối thiểu 10 bộ gốc;
- Nhật ký thi công: TVGS ban hành/chấp thuận mẫu, đóng dấu giáp lai giữa các trang. Trong quá trình thi công, Nhà thầu phải ghi và ký nhật ký thi công cho từng ngày thi công (Thời tiết, thiết bị, nhân công, vật liệu, vị trí thi công, hạng mục, tình trạng diễn biến công việc thi công...), TVGS ký xác nhận.

4.4.4. Công tác báo cáo:

- Nhà thầu phải lập kế hoạch thi công hàng ngày, báo cáo TVGS trước 20h00 của ngày hôm trước, để TVGS có kế hoạch kiểm tra & giám sát;
- Hàng tuần, hàng tháng, hoặc đột xuất khi có yêu cầu: Nhà thầu lập báo cáo và trình TVGS kiểm tra, xác nhận để có kết luận đánh giá về chất lượng và tiến độ, cũng như kế hoạch & tiến độ thi công tuần, tháng tiếp theo.
- Nội dung báo cáo phải chi tiết đầy đủ:
 - + Tình hình thiết bị, nhân lực, vật liệu.
 - + Khối lượng đã thực hiện.
 - + Thời tiết.
 - + Kế hoạch tuần tiếp theo.
 - + Những khó khăn cần tháo gỡ trong quá trình thi công.
 - + Đánh giá chất lượng tiến độ, giá trị đã thực hiện.



4.4.5. Công tác nghiệm thu thanh toán:

Theo tiến độ, giai đoạn thanh toán được quy định trong hợp đồng, Nhà thầu có trách nhiệm tập hợp hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật trong tháng/đợt, lên bảng tính khối lượng trình TVGS kiểm tra nghiệm thu, xác nhận.

Khối lượng nghiệm thu thanh toán là khối lượng có trong hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt. Nội dung hồ sơ nghiệm thu Nhà thầu phải nộp bao gồm:

- + Tập hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật hàng tháng;
- + Bảng tính khối lượng chi tiết được thực hiện trong tháng;
- + Lập hồ sơ thanh toán theo mẫu quy định tại nghị định 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025;
- + Các chứng chỉ thí nghiệm, kiểm tra chất lượng, bản vẽ hoàn công kèm theo.

5. Công tác kết thúc dự án:

5.1. Hồ sơ hoàn thành công trình:

Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình được lập (Theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ) bao gồm:

5.1.1. Hồ sơ chuẩn bị đầu tư xây dựng:

- Quyết định chủ trương đầu tư xây dựng, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng (nếu có);
- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng;
- Đề cương nhiệm vụ khảo sát và lập Dự án đầu tư xây dựng công trình/Báo cáo kinh tế kỹ thuật, các văn bản phê duyệt đề cương nhiệm vụ, thẩm định, tham gia ý kiến của các cơ quan có liên quan trong việc thẩm định, phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở/BCKTKT;
- Đề cương nhiệm vụ thẩm tra Dự án đầu tư xây dựng công trình/Báo cáo kinh tế kỹ thuật, các văn bản phê duyệt đề cương nhiệm vụ, Báo cáo kết quả thẩm tra;
- Phương án đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng tái định cư (nếu có);
- Văn bản của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về: thỏa thuận quy hoạch, thỏa thuận hoặc chấp thuận sử dụng hoặc đấu nối với công trình kỹ thuật bên ngoài hàng rào; đánh giá tác động môi trường, đảm bảo an toàn (an toàn giao thông, an toàn cho các công trình lân cận) và các văn bản khác có liên quan;
- Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc hợp đồng thuê đất đối với trường hợp không được cấp đất;
- Giấy phép xây dựng, trừ những trường hợp được miễn giấy phép xây dựng;
- Quyết định chỉ định thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn các nhà thầu và hợp đồng xây dựng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu (Tư vấn khảo sát thiết kế, tư vấn thẩm tra);
- Các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực của các nhà thầu theo quy định.
- Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư xây dựng.

th

5.1.2. Hồ sơ khảo sát, thiết kế xây dựng công trình triển khai sau thiết kế cơ sở:

- Đề cương nhiệm vụ khảo sát và thiết kế xây dựng, văn bản phê duyệt nhiệm vụ;
- Phương án kỹ thuật khảo sát, văn bản phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát;
- Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng, văn bản chấp thuận nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng;
- Hồ sơ thiết kế xây dựng công trình và dự toán xây dựng công trình đã được phê duyệt, kết quả thẩm tra, thẩm định thiết kế xây dựng, quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng công trình; Chỉ dẫn kỹ thuật thi công và nghiệm thu;
- Văn bản chấp thuận nghiệm thu thiết kế xây dựng công trình.
- Các văn bản, tài liệu, hồ sơ khác có liên quan đến giai đoạn khảo sát, thiết kế xây dựng công trình.

5.1.3. Hồ sơ thẩm tra kết quả khảo sát, thiết kế và dự toán:

- Đề cương nhiệm vụ thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng, văn bản phê duyệt nhiệm vụ;
- Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng;
- Văn bản chấp thuận nghiệm thu kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình;

5.1.4. Hồ sơ quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình:

- Danh mục và Hồ sơ các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình và các văn bản thẩm định, phê duyệt của cấp có thẩm quyền;
- Bản vẽ hoàn công (có danh mục bản vẽ kèm theo), nhật ký thi công công trình;
- Các kế hoạch, biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng thi công xây dựng công trình;
- Các chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, nhãn mác hàng hóa, tài liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa; chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành; chứng nhận hợp chuẩn (nếu có) theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa.
- Các kết quả quan trắc (nếu có), đo đạc, thí nghiệm trong quá trình thi công;
- Các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu bộ phận, giai đoạn thi công trong quá trình thi công xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục/công trình xây dựng đưa vào khai thác sử dụng;
- Các kết quả thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm khả năng chịu lực kết cấu xây dựng (nếu có).
- Hồ sơ quản lý chất lượng của thiết bị lắp đặt vào công trình.
- Quy trình vận hành, khai thác, bảo trì công trình (nếu có);
- Văn bản thỏa thuận, chấp thuận, xác nhận của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về:
 - + Di dân, khảo sát các di tích lịch sử, văn hóa;
 - + An toàn phòng cháy, chữa cháy; An toàn môi trường;

- + An toàn lao động, an toàn vận hành hệ thống thiết bị công trình, thiết bị công nghệ;
- + Thực hiện Giấy phép xây dựng (đối với trường hợp phải có giấy phép xây dựng);
- + Cho phép đấu nối với công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình khác có liên quan;
- + Văn bản của cơ quan chuyên môn về xây dựng, quản lý phát triển đô thị về việc hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan của dự án theo kế hoạch xây dựng nêu tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được thẩm định, phê duyệt;
- + Các văn bản khác theo quy định của pháp luật có liên quan.
- Hồ sơ giải quyết sự cố công trình (nếu có);
- Phụ lục các tồn tại cần sửa chữa, khắc phục (nếu có) sau khi đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.
- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc kiểm tra và chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư (Theo khoản 2 Điều 24 Nghị định 06/2021/NĐ-CP) nếu có;
- Các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư;
- Các hồ sơ/văn bản/tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng;
- Bản vẽ hoàn công công trình.

*** Lưu ý:**

- Hồ sơ hoàn công phải sắp xếp theo từng hạng mục công trình như trên, nếu quá dày sẽ đóng thành các tập thứ i cùng loại. Hồ sơ hoàn công phải có dấu, chữ ký của:
- + Dấu và chữ ký của nhà thầu thi công;
- + TVGS phải ký trực tiếp vào tất cả các trang của Bản vẽ hoàn công, nhật ký thi công.
- TVGS (thay mặt Chủ đầu tư) soát xét kỹ hồ sơ hoàn công trước khi giao nộp.
- Trách nhiệm thực hiện :
 - Đối với Chủ đầu tư: Thực hiện mục 5.1.1 , 5.1.2 và mục 5.1.3.
 - Đối với Nhà Thầu xây lắp: Thực hiện mục 5.1.4.
- Quy cách Hồ sơ quản lý chất lượng thi công công trình:
 - + Hồ sơ hoàn công được đóng thành từng quyển (tập) hoặc gập (các bản vẽ) nhưng phải đánh số thứ tự, cho vào hộp cứng (theo mẫu/quy định của cục lưu trữ quốc gia). Ngoài bìa các hộp hoặc các tập phải được ghi rõ bằng mực không phai: Dự án, công trình, loại hồ sơ ...
 - + Bản chính, bản sao: Tối thiểu 03 bộ hồ sơ bản chính giao nộp cho Chủ đầu tư, các bộ còn lại là bản photocopy. Nhà thầu và TVGS nhân bản thêm bộ bản chính để phục vụ việc lưu trữ hồ sơ của mình;
 - + Bản gốc là bản có chữ ký gốc và dấu đỏ. Trường hợp không thể đủ điều kiện để có chữ ký và dấu đỏ của cấp ra văn bản đó, ký đóng dấu sao y bản chính/chứng thực sao y. Nhà thầu và TVGS phải tự lưu trữ tối thiểu 01 bộ bản gốc Hồ sơ quản lý

chất lượng thi công công trình để phục vụ việc lưu trữ hồ sơ hoặc trình nộp các cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

5.2. Công tác nghiệm thu đưa công trình xây dựng vào khai thác sử dụng:

Để tiến hành nghiệm thu bàn giao công trình, TVGS phải hướng dẫn, kiểm tra Nhà thầu thi công chuẩn bị đầy đủ nội dung sau:

- + Biên bản kiểm tra nghiệm thu giữa TVGS và Nhà thầu thi công đối với toàn bộ các hạng mục trong hồ sơ thiết kế đã được thi công và đạt yêu cầu chất lượng;

- + Hồ sơ hoàn công lập đủ số lượng và nội dung theo yêu cầu quy định được Chủ đầu tư và TVGS nghiệm thu;

- + Biên bản kiểm tra hiện trường xác định có/không khuyết tật, đã khắc phục các khuyết tật nếu có giữa các bên: Nhà thầu, TVGS, đơn vị quản lý khai thác, đại diện chủ đầu tư;

- + Nhà thầu viết báo cáo quá trình thi công xây dựng và hoàn thành công trình;

- + TVGS viết báo cáo quá trình giám sát kiểm tra chất lượng công trình và hoàn thành công trình;

- + Nhà thầu có văn bản yêu cầu Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu đưa công trình vào khai thác sử dụng;

- + Chủ đầu tư, Đại diện Chủ đầu tư, Nhà thầu, TVGS và đơn vị quản lý khai thác cùng kiểm tra, thống nhất bằng biên bản.

5.3. Công tác quyết toán công trình:

Thời gian thực hiện quyết toán theo quy định hiện hành và quy định tại hợp đồng xây lắp được ký kết.

Nhà thầu tiến hành tính toán, lập khối lượng và giá trị quyết toán công trình - phần hợp đồng xây lắp, đệ trình TVGS, Chủ đầu tư xem xét và phê duyệt.

TVGS tiến hành tính toán, lập khối lượng và giá trị quyết toán công trình - phần hợp đồng TVGS, đệ trình Chủ đầu tư xem xét và phê duyệt.

th